

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tài chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2096/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý công sản, tài chính đất đai thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2102/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2113/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực phí, lệ phí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tài chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, cụ thể:

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành: 05 thủ tục hành chính cấp tỉnh.
2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung: 09 thủ tục hành chính cấp tỉnh, 40 thủ tục hành chính cấp xã.
3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ: 01 thủ tục hành chính cấp xã.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Tài chính, Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, HCC.

CHỦ TỊCH



Trần Hồng Thái



PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC
TÀI CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH, CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG
(Kèm theo Quyết định số 1399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN (02 TTHC)					
1	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của tổ chức, cá nhân tham gia mua, thuê tài sản, nhận chuyển nhượng, thuê quyền khai thác tài sản công Mã TTHC: 1.005437	2 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng Lâm Đồng	Không	- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
2	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản Mã TTHC: 1.005436	2 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; - Quyết định số 209/QĐ-BTC.
LĨNH VỰC QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG (01 TTHC)					
1	Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị theo phương thức cơ quan quản	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác (đối với tài sản liên quan đến quốc phòng an ninh. Mã TTHC: 3.000425				khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; - Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; - Quyết định số 2096/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý công sản, tài chính đất đai thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính.
LĨNH VỰC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP (02 TTHC)					
1	Thủ tục xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (cấp Tỉnh) Mã TTHC: 3.000214	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ; - Quyết định số 1399/QĐ-BTC ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
2	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương Mã TTHC: 1.007623	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; - Thông tư số 52/2013/TT-BTC ngày 03 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định số 1844/QĐ-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý Tài chính doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI BỔ SUNG

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (09 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN (03 TTHC)					
1	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế Mã TTHC: 3.000410	36 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Điều 28 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Quyết định số 2096/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý công sản, tài chính đất đai thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính.
2	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi Mã TTHC: 3.000327	60 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2096/QĐ-BTC.
3	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại Mã TTHC: 3.000326	75 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Nghị định số 08/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2096/QĐ-BTC.
LĨNH VỰC QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG (03 TTHC)					
1	Chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp Mã TTHC: 3.000424	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; - Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; - Quyết định số 2096/QĐ-BTC.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị. Mã TTHC: 3.000429	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Nghị định số 15/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 127/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2096/QĐ-BTC.
3	Sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được đầu tư theo phương pháp đối tác công tư Mã TTHC: 3.000434	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Nghị định số 15/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 127/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2096/QĐ-BTC.
LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI (01 TTHC)					
1	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư Mã TTHC: 1.012994	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. - Nghị định 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2096/QĐ-BTC.
LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU KHÁC CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (02 TTHC)					
1	Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải Mã TTHC: 1.008603	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận Tờ khai phí	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; - Nghị định 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2113/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực phí, lệ phí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải Mã TTHC: 1.013040	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng	Không	- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; - Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015; - Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019; - Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2113/QĐ-BTC.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (40 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN (03 TTHC)					
1	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản là di sản không có người thừa kế Mã TTHC: 3.000410	29 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Điều 28 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP; - Nghị định 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2096/QĐ-BTC.
2	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi Mã TTHC: 3.000327	60 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2096/QĐ-BTC.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại Mã TTHC: 3.000326	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Nghị định số 08/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2096/QĐ-BTC.
LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI (01 TTHC)					
1	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư Mã TTHC: 1.012994	30 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2096/QĐ-BTC.
LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ (26 TTHC)					
1	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp. Mã TTHC: 2.002635	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã: + Trực tiếp: 30.000 VNĐ. + Trực tuyến: 24.000 VNĐ. - Không thu lệ phí đăng ký đối với Tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023. - Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính về

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
2	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo. Mã TTHC: 2.002636	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC .
3	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023. Mã TTHC: 2.002637	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không thu lệ phí đăng ký đối với Tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quy định về nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy. Mã TTHC: 2.002638	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.
5	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác. Mã TTHC: 2.002639	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.
6	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác. Mã TTHC: 2.002640	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.
7	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác. Mã TTHC: 2.002641	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.
8	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác. Mã TTHC: 2.002642	- Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ theo quy định. - Trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động tổ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		hợp tác: + 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. + 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn (thời hạn 03 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác).			
9	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Mã TTHC: 2.002643	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.
10	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác. Mã TTHC: 2.002644	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
11	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Mã TTHC: 2.002645	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; .- Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.
12	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài. Mã TTHC: 2.002646	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Trực tiếp: + Liên hiệp hợp tác xã: 200.000 VNĐ + Hợp tác xã: 100.000 VNĐ - Trực tuyến: + Liên hiệp hợp tác xã: 160.000 VNĐ + Hợp tác xã: 80.000 VNĐ	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; .- Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC..
13	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Mã TTHC: 2.002648	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Trực tiếp: 30.000 VNĐ - Trực tuyến: 24.000 VNĐ	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; .- Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.
14	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Mã TTHC: 2.002649	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Trực tiếp: 30.000 VNĐ - Trực tuyến: 24.000 VNĐ	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; .- Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
15	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Mã TTHC: 2.002650	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Trực tiếp: 30.000 VNĐ - Trực tuyến: 24.000 VNĐ	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC. - Quyết định số 1739/QĐ-BKHĐT.
16	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất. Mã TTHC: 1.005280	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Trực tiếp: + Liên hiệp hợp tác xã: 200.000 VNĐ + Hợp tác xã: 100.000 VNĐ - Trực tuyến: + Liên hiệp hợp tác xã: 160.000 VNĐ + Hợp tác xã: 80.000 VNĐ	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.
17	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh. Mã TTHC: 2.002123	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Trực tiếp: + Liên hiệp hợp tác xã: 200.000 VNĐ + Hợp tác xã: 100.000 VNĐ - Trực tuyến: + Liên hiệp hợp tác xã: 160.000 VNĐ + Hợp tác xã: 80.000 VNĐ	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC..
18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập. Mã TTHC: 1.005277	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Trực tiếp: 30.000 VNĐ - Trực tuyến: 24.000 VNĐ	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
19	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Mã TTHC: 1.004901	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Trực tiếp: 30.000 VNĐ - Trực tuyến: 24.000 VNĐ	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.
20	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập. Mã TTHC: 1.004979	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Trực tiếp: 30.000 VNĐ - Trực tuyến: 24.000 VNĐ	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.
21	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Mã TTHC: 2.001958	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Trực tiếp: + Liên hiệp hợp tác xã: 200.000 VNĐ + Hợp tác xã: 100.000 VNĐ - Trực tuyến: + Liên hiệp hợp tác xã: 160.000 VNĐ + Hợp tác xã: 80.000 VNĐ	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.
22	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Mã TTHC: 1.005378	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Trực tiếp: 30.000 VNĐ - Trực tuyến: 24.000 VNĐ	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
23	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Mã TTHC: 1.005377	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; .- Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.
24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Mã TTHC: 2.001973	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Trực tiếp: 3.000 VNĐ - Trực tuyến: 2.500 VNĐ	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; .- Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.
25	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Mã TTHC: 1.004982	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể. - Sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được nghị quyết giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; .- Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
26	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Mã TTHC: 1.005010	- Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong nước: + Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. + Kết thúc thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác. - Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài:	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.			
LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC (02 TTHC)					
1	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác Mã TTHC: 2.002226	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 về Tổ hợp tác; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.
2	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác Mã TTHC: 2.002228	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Bộ Luật Dân sự; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.
LĨNH VỰC HỖ TRỢ TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ (01 TTHC)					
1	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã TTHC: 2.002668	10 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH (05 TTHC)					
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh Mã TTHC: 1.001612	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Lệ phí: Trực tiếp: 100.000 đồng Trực tuyến: 80.000 đồng	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14); - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định số 01/2021/NĐ-CP); - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Thông tư số 85/2019/TT-BTC); - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 03 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT); - Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT); - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2102/QĐ-BTC ngày 23

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh Mã TTHC: 2.000720	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Lệ phí: Trực tiếp: 30.000 đồng Trực tuyến: 24.000 đồng	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2102/QĐ-BTC.
3	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh Mã TTHC: 1.001570	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2102/QĐ-BTC.
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh Mã TTHC: 1.001266	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2102/QĐ-BTC..

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh Mã TTHC: 2.000575	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Lệ phí: Trực tiếp: 3.000 đồng/bản Trực tuyến: 2.500 đồng/bản	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT; - Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT; - Nghị quyết số 142/2022/NQ-HĐND. - Thông tư số 43/2025/TT-BTC; - Nghị định 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2102/QĐ-BTC.
LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU KHÁC CỦA NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC(02 TTHC)					
1	Thủ tục kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải Mã TTHC: 1.008603	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; - Nghị định 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2113/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực phí, lệ phí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.
2	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải Mã TTHC: 1.013040	30 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; - Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015; - Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019; - Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 153/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khí thải;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Nghị định 125/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2113/QĐ-BTC.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (01 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Văn bản QPPL quy định nội dung bãi bỏ TTHC
1	Thông báo thay đổi tổ hợp tác Mã TTHC: 2.002227	- Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 về Tổ hợp tác; - Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.